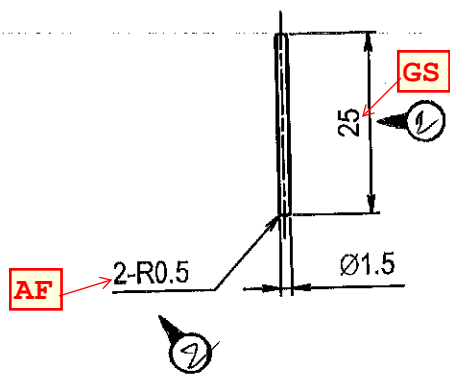


gap fls

pu

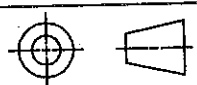
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2012/08/13			Shih_Ming_Chih	Hsu_Chen_Feng	0.5 ≤ ... ±0.1
△						6 < ... ≤ 30 ±0.2
△						30 < ... ≤ 120 ±0.3
△						120 < ... ≤ 150 ±0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS
6.3 /



14 306 0103

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Shih_Ming_Chih	Hsu_Chen_Feng	部品図 PART DRAWING	ロケートピン LOCATE PIN
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	定位銷
HRC		部品図	定位銷
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
MTR-SHAFT	2012/08/13	1:1	S888698



SNO: **S888698**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: Trục motor Ø1.5 (1 pc)	GS:10 AF:5